

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Đức

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Khang, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Cao Mỹ T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Phạm Hoàng V**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Cao Mỹ T trình bày: bà và ông Phạm Hoàng V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Sau thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng không thể giải quyết được, ông Vũ B đi từ năm 2006 đến nay để bà nuôi con một mình. Nay thấy không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V. Về con chung, ông bà có 02 người con chung là Phạm Vũ L (nam) sinh ngày 01/8/1989 và Phạm Thị Yến N (nữ) sinh ngày 21/3/1991 đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Cao Mỹ T và ông Phạm Hoàng V xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành

phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69KH/2005 quyển số 01 ngày 04/4/2005, là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý vụ án giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Phạm Hoàng V không đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/4/2025, ngày 08/5/2025 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vào ngày 29/5/2025, ngày 17/6/2025 nhưng bị đơn không đến, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Bà T yêu cầu ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2006, hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được, sau đó ông Vũ B đi không liên hệ với bà. Bà và ông V đã sống ly thân nhiều năm, nay thấy rằng vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tiếp tục chung sống được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, bà T và ông V có hai người con chung là Phạm Vũ L (nam) sinh ngày 01/8/1989 và Phạm Thị Yến N (nữ) sinh ngày 21/3/1991 đã thành niên nên không đặt ra xem xét vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà T xác định không có, ông V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Mỹ T đối với ông Phạm Hoàng V.

- Về con chung: Phạm Vũ L (nam) sinh ngày 01/8/1989 và Phạm Thị Yến N (nữ) sinh ngày 21/3/1991 đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: chưa xem xét giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 003340 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- CCTHA H. P;
- UBND TT. P;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa